

THÀNH CHÀ BÀN

NIÊN ĐẠI VÀ MÔ HÌNH

NGÔ VĂN DOANH*

Như thành Cha (mà theo chúng tôi là thành Đồ Bàn (hay Chà Bàn) ban đầu của Chăm-pa) (1), thành Chà Bàn (nay thuộc địa phận xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) - tòa thành là Kinh đô cuối cùng của nước Chăm-pa - cũng được sử sách cổ của Việt Nam nhắc tới. Về những ngày tháng cuối cùng của thành Chà Bàn, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Ngày 27 (tháng 2, Tân Mão, năm thứ 2 Hồng đức [1471]), vua [Lê Thánh Tông] thân đem đại quân đánh phá thành Thi-nại. Ngày 28, vua tiến vây thành Chà-bàn. Ngày 29, vây sát chân thành mấy vòng. Tháng 3, ngày mồng 1, hạ được thành Chà-bàn... Trước là các quân dinh làm cầu bắc lên thành đã xong, Trà Toàn hàng ngày đưa đến lễ vật xin hàng... Vua bèn dụ cho các tướng sĩ nên kịp bắc thang lên thành. Được một lát, vua trông thấy đằng xa dinh quân tiền khu đã lên đến tường con trên thành, mới bắn 3 tiếng súng để ứng. Lại sai nội thân đem quân Thiên vũ phá cửa Đông để vào... Ngày mồng 2, vua thấy đã phá được thành Chà-bàn rồi, xuống chiếu đem quân về” (2). Từ thời điểm lịch sử đó, thành Chà Bàn chấm dứt hoàn toàn chức năng là Kinh đô của nước Chăm-pa và cũng “bị bỏ”. Hơn 300 năm sau, vào năm 1776, Nguyễn Nhạc đã “nhân đất cũ của Chiêm Thành, sửa đắp

thành Đồ Bàn, đào lấy đá ong xây dựng thành lũy, mở rộng cung điện” (3). Đến năm 1778, Nguyễn Nhạc cho đổi tên là thành Hoàng Đế. Và, trong khoảng gần 20 năm (từ 1776 đến 1793) tòa thành mới này đã là đại bản doanh của quân Tây Sơn và sau đó là kinh đô của chính quyền Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc. Từ 1793 cho đến khi nhà Tây Sơn thất bại hoàn toàn (năm 1802), tại đây, đã diễn ra những trận chiến quyết liệt giữa quân Tây Sơn và quân nhà Nguyễn. Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép về tòa thành này dưới tên gọi “*thành cũ Chà Bàn*” khá cụ thể: “Thành ở địa phận ba thôn Nam Định, Bắc Thuận và Bả Canh về phía Đông Bắc huyện Tuy Viễn, xưa là Quốc đô của Chiêm Thành; chu vi 30 dặm, trong thành có tháp cổ, có nghề đá, voi đá, điêu của người Chiêm Thành. Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc chiếm cứ thành này, nhân nền cũ xây đá ong, tiếm xưng là thành Hoàng Đế; năm Kỷ Mùi (1799) đầu thời Trung Hưng khi mới thu phục được đất này, đổi tên là thành Bình Định, năm Nhâm Tuất (1802) đổi làm trấn, sau dời đến lý sở hiện nay, bèn bỏ thành này, nay vẫn còn nền cũ. Trong thành có đền Chiêu Trưng thờ Hoài Quốc công Võ Tánh và Ninh Hòa quận công Ngô Tông Chu” (4).

* PGS.TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Sang đầu thế kỷ XX, nhà nghiên cứu người Pháp H. Parmentier đã đến điều tra và đã khảo tả tòa thành Chà Bàn khá kỹ trong công trình "Thống kê khảo tả các di tích Chăm ở Trung kỳ" của mình. Trong công trình này, ở phần "*Thành Chà Bàn*", ông viết: "Trên đường cái quan, cách thành Bình Định mười cây số, thấy vết tích một khu thành Chăm mà kích thước xếp được vào hàng đầu trong số những công trình quân sự của dân tộc này. Ngày nay khu thành bị ba làng: Bá Cạnh, Nam An, Thuận Chánh, cả ba đều thuộc tổng An Nghĩa, phủ An Nhơn, chiếm cứ. Địa điểm này hình như trước kia đã từng là trung tâm của một tổng thể mà nay chỉ còn những vết tích đây đó. Trước hết, ở phía Bắc, là một nhóm những điêu khắc Chăm tập trung trong chùa Thập Tháp, vật còn lại của một ngôi điện lớn chắc là được xây dựng trên một gò đất ở giữa sân chùa hiện nay. Ở phía Nam, hai quả đồi trông như là có vết tích của một kiến trúc khác, có hào đào vội vàng và thô sơ ở dưới chân; gần chân đồi, trong một ngôi chùa An Nam có tên là Nhạn Tháp, có hai hộ pháp (dvarapala) đồ sộ. Cuối cùng, ngay trong tòa thành, có một số gò, có lẽ là bằng chứng của những kiến trúc đã biến mất, và vài điêu khắc quan trọng.

Khu thành trải ra trên một cánh đồng ít lồi lõm. Đây là một hình chữ nhật dài gần 1.400m theo hướng Bắc - Nam; gần 1.100m theo hướng Đông - Tây; hướng quay chính xác. Con đường cái quan chạy qua những gò đồng ở góc Đông - Bắc. Một nhánh sông Bình Định bảo vệ mặt bắc. Tòa thành cổ hiện nay chỉ còn là một dải đất đắp gần như liên tục, đôi chỗ còn thấy những mảng tường ốp. Tòa thành được tạo bởi những gò đất có tính toán, kích thước nhỏ và cách quãng đều nhau. Những cổng bằng đá tạc

đẽo cẩn thận xuyên thủng qua tường ở một đôi chỗ cho nước suối chảy qua. Tại nhiều nơi, nhô lên những ụ đất, có thể để che kín những tháp canh, những chiếc cổng, hoặc chỉ là những ụ quan sát nhân tạo. Tại hai góc Đông - Nam và Đông - Bắc, thấy có hai ụ đất như vậy; một ụ khác ở mặt Tây đối hai phiến đá chôn đứng hơi vuông vức và, theo ông Navelle, do người An Nam dựng lên để chèn hậu cho súng đại bác của họ.

Tòa thành chỉ để lại dấu vết một cái cổng trông rất rõ, nhưng bị ngập nước. Cổng ở mặt Đông, cách góc Đông - Nam 1/3 đoạn thành. Chú thích có ghi trong bản đồ cổ của người An Nam (thế kỷ XV - XVI) nói là bốn cửa. Mặt bằng trên bản đồ cổ cho thấy có ba ụ dô ra ở ba mặt Bắc, Nam và Tây và một ụ bằng ở mặt Đông. Chắc là phải coi cái ụ bằng này như là cách bố phòng của ngay chính cái cổng quan trọng nhất. Hướng Đông của cổng quan trọng này, tuy là con đường chạy theo hướng Bắc-Nam, là nằm trong tinh thần Chăm, bởi vì trước cả mọi việc bố phòng, việc định hướng chính xác cho khu thành là một điều bắt buộc. Ngày nay, bên trong thành toàn là ruộng, còn thấy vết tích một con đường; dường như nó nối liền mặt giữa của mặt Đông với một gò cao hình chữ nhật ở giữa, trên đó dựng lên một ngọn tháp, tháp Đồng (hay tháp Cánh Tiên- N.V.D.)... Khu trung tâm và mặt Tây của toà thành hơi dốc lên. Mặt đất ở những chỗ đó có nhiều đá, không cày cấy gì được. Về phía Bắc khu trung tâm, một ụ đất cao chắc là phủ lên vết tích của một kiến trúc, mà chứng cứ là có những viên gạch vỡ. Người ta bảo là ở đây nhật được một phiến đá hình chữ nhật có chạm khắc (ngày nay hình như đã mất). Toàn bộ mặt Tây của khu tường bị chắn hết bởi ngôi chùa và lăng Võ Tánh. Tại đây, những điêu khắc Chăm đã được đem dùng lại.

Ở góc Tây - Nam, có một gò đất hai tầng; tầng trên là một hình vuông được định hướng, cạnh dài khoảng ba chục mét, địa hình hơi cao lên và nhiều mảnh vỡ vật liệu xây dựng, điều đó cho biết ở đây là phế tích của một kiến trúc khá rộng. Kích thước hẹp, dáng hình bình hành của vệt tường hình như không phù hợp với kiểu điện thờ. Có lẽ đây là cung điện chính và là nơi nhà vua ngự. Mặt đất rất chặt khiến ta có thể nói là không có móng; cho nên ngờ rằng khai quật ở đây chắc sẽ không có kết quả. Cuối cùng, trên ruộng, bên trái và bên phải con đường, có những khoảnh đất, ngày nay có nhà và chùa xây ở trên, trước kia, có thể là vị trí của những kiến trúc đã bị mất" (5).

Như sử sách cho biết, trong hơn hai chục năm (1778- 1799), thủ lĩnh phong trào Tây Sơn chọn thành Chà Bàn của Chăm-pa xưa làm đại bản doanh và đã *"sửa đắp thành, đào lấy đá ong xây dựng thành lũy, mở rộng cung điện"*. Do vậy, như các nhà nghiên cứu đã nhận thấy, những dấu tích còn lại cho đến nay chính là của tòa thành Hoàng Đế của Nguyễn Nhạc. Tòa thành này có cấu trúc ba lớp. Lớp ngoài cùng là thành ngoại dài 7.330m có hình dáng gần như chữ nhật, nhưng các cạnh uốn lượn không thẳng và các góc cũng không vuông. Chiều dài các cạnh không đều nhau: cạnh phía Bắc dài 2.038m, cạnh phía Nam dài 2.118m, cạnh phía Đông tương đối thẳng dài 1.564m, cạnh phía Tây uốn lượn, hơi lệch về hướng Tây-Nam, dài 1.610m. Thành có 5 cửa. Ngoài ba cửa Bắc, Đông, Tây, mặt phía Nam có hai cửa: cửa Vệ hay còn gọi là cửa Nam và cửa Tân Khai (mới mở). Dấu tích của cả 5 cửa hiện nay vẫn còn. Thành nhìn về hướng Nam, nên cửa Vệ (cửa Nam) còn có tên là cửa Tiến, cửa Đông gọi là cửa Tả, cửa Tây là cửa Hữu, cửa Bắc là cửa Hậu. Thành Nội được xây

thẳng hướng với cửa Nam, nằm lệch về góc Tây-Nam thành ngoại. Vòng thành này hầu như đã bị phá hoại hoàn toàn. Thế nhưng, dấu tích còn lại cho thấy, thành có cấu trúc hình chữ nhật giống đúng theo bốn hướng với tổng chu vi 1.600m. (430m x 370m). Thành nội cũng được xây dựng bằng kỹ thuật đã xây thành ngoại: đắp đất, bó đá ong hai mặt. Thành nội chỉ mở 3 cửa. Cửa Tiến thẳng hướng tới cửa Vệ, cách thành ngoại 180m. Cửa Đông và cửa Tây trở vào khoảng chính giữa mỗi cạnh thành. Tử Cấm thành là vòng thành trong cùng cũng có cấu trúc hình chữ nhật, chu vi 600m (126m x 174m). Tường của Tử Cấm thành xây thẳng, mặt rộng khoảng 1,5m, chiều cao còn lại trung bình là 1,8m và chỉ mở một cửa về phía Nam với các tên gọi Nam Lâu, Tam Quan và Quyển Bổng.

Nhìn về địa thế tự nhiên, tòa thành Hoàng Đế còn được phòng vệ bằng cả một hệ thống sông ngòi, núi đồi, gò tự nhiên và nhân tạo bao bọc xung quanh. Sông Đập Đá tách ra ở Thiết Trụ (xã Nhơn Mỹ) rồi hợp lại ở Lý Tây (xã Nhơn Thành) đã bao bọc thành Hoàng Đế như những con hào tự nhiên, đồng thời là những con đường thủy thuận lợi. Phía Tây-Bắc thành còn dấu vết một bến thuyền xưa ở khu vực Bến Gỗ. Từ bến này, thuyền bè có thể theo đường sông Quai Vạc trở lại sông Côn rồi ngược lên Thượng Đạo hoặc xuôi theo sông Đập Đá, sông Đại An về phía Đông ra cửa Thị Nại. Ngoài hệ thống sông ngòi, phía Nam thành có gò Văn Sơn, gò Tập, xa hơn gò Tập một chút có núi Long Cốt... (6).

Dù rằng những dấu tích tường lũy hiện nay hầu hết là của thành Hoàng Đế (20 năm cuối thế kỷ XVIII), nhưng, như các tài liệu lịch sử ghi chép và các nhà nghiên cứu đã nhận thấy, về cơ bản, cấu trúc, hình dáng và quy mô của thành Hoàng Đế là

vốn của thành Chà Bàn xưa. Theo nhận xét của các nhà nghiên cứu, đối chiếu với các sách địa lý và lịch sử thì nguyên xưa thành Chà Bàn chỉ có 4 cửa. Cửa Tân Khai mới được mở khi Nguyễn Nhạc xây thành Hoàng đế (7).

Như vậy, qua những ghi chép của sử sách và những khảo cứu của các nhà khoa học, chúng ta biết khá rõ hai điều: *một là* mốc thời gian chấm dứt sự tồn tại của toà thành Chà Bàn (năm 1471) và *hai là* có thể dựa vào dấu tích của thành Hoàng Đế thời Tây Sơn để khôi phục lại cấu trúc và mô hình thành Chà Bàn của nhà nước cổ Chăm-pa - một mô hình cấu trúc đô thị phổ biến của các quốc gia cổ chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ ở khu vực Đông Nam Á. Điều thứ nhất về thời điểm chấm dứt sự tồn tại của thành Chà Bàn như kinh đô của nhà nước Chăm-pa là chắc chắn rồi. Thế nhưng, khi nào thì thành Chà Bàn, mà dấu tích còn lại ở xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, trở thành kinh đô của Chăm-pa, thì còn là vấn đề.

Các tư liệu lịch sử cho biết, vào cuối thế kỷ X, Kinh đô Chăm-pa ở phía Bắc (vùng đất tỉnh Quảng Nam bây giờ) bị người Việt chiếm và từ đó trở đi, các vua Chăm Thành đã phải định đô ở một nơi mới tại vùng đất của tỉnh Bình Định ngày nay. Ví dụ, về những sự kiện này sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết cụ thể vào năm Nhâm Ngọ, năm thứ 3 kỷ nhà Lê [982] (Tổng, Thái bình hưng quốc năm thứ 7), vua Lê Đại Hành đi đánh nước Chăm Thành và thắng được. Cũng theo các sử liệu, vì người Chăm cùng phò mã Ngô Nhật Khánh vào cướp phá và có ý đồ đánh thành Hoa Lư, nhưng không thành; sau đấy, vua Chăm Thành còn bắt giữ sứ thần của nhà Lê, nên “vua giận, mới đóng thuyền chiến, sửa binh khí, tự làm tướng đi đánh, chém được Phê

Mị Thuế (Paramesvaravarman) tại trận; Chăm Thành thua to; bắt sống được binh sĩ không biết bao nhiêu mà kể...; san phẳng thành trì, phá hủy tôn miếu, vừa một năm thì trở về Kinh sư” (8). Cũng sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, vào năm 988, vua nước Chăm Thành là Băng vương La Duệ ở Phật Thành (tức Chà Bàn) tự đặt hiệu là Cu-thi-lị Ha-thân-bài-ma-la (Harivarman II) (9). Và, điều đặc biệt, như các nhà nghiên cứu đã nhận thấy, từ vị vua đầu tiên định đô ở Chà Bàn là Harivarman II trở đi, danh hiệu của hoàng gia thay đổi và các tên vua xuất hiện tất cả đều có chữ “Vijaya Sri” đi trước. Hơn thế nữa, trong một bức thư gửi hoàng đế Trung Quốc, Harivarman còn được xác minh là “vua của vương quốc Vijaya mới thành lập” (10). Như vậy, thành Chà Bàn được lập và trở thành kinh đô của Chăm-pa từ năm 988. Thế nhưng, như chúng tôi đã chứng minh trong một bài viết (xem chú thích số 1), các hiện vật hiện được biết cũng như các tài liệu dân gian cho biết, toà thành Chà Bàn thời kỳ đầu (có thể từ 988 đến 1069) tọa lạc tại toà thành Cha mà dấu tích hiện vẫn còn tại xã Nhơn Mỹ bên bờ sông Côn, cách toà thành Chà Bàn ở Nhơn Hậu không xa. Và, theo nghiên cứu của chúng tôi, các di tích và hiện vật hiện còn ở thành Chà Bàn thứ hai này đều có niên đại từ sau giữa thế kỷ XI.

Dù đã chấm dứt sự tồn tại như một kinh thành từ nhiều thế kỷ nay, nhưng hiện nay tại khu vực thành Chà Bàn vẫn còn lại những di tích và di vật của thời Chăm-pa. Trước hết, đó là ngôi tháp Cánh Tiên ngự ngay trên quả đồi nằm giữa trung tâm toà thành. Sau đấy là một loạt những tác phẩm điêu khắc đá Chăm-pa hiện còn và đã được phát hiện trong những năm qua ngay trong và quanh khu thành. Vì nhiều lý do, mà

trước hết là thiếu hẳn những tài liệu thành văn, nên, cho đến nay, những hiện vật cổ Chăm-pa còn lại này vẫn là những cái mốc niên đại quan trọng nhất để xác định thời gian tạo lập và tồn tại của toà thành Chà Bàn tại Nhơn Hậu.

Dựa trên những yếu tố mang tính phong cách, năm 1942, trong công trình “*Nghệ thuật Chăm-pa*”, nhà nghiên cứu người Pháp P. Stern đã cho rằng ba ngôi tháp tiêu biểu của phong cách Bình Định là Thủ Thiện, Tháp Đồng (Cánh Tiên) và Tháp Vàng “hình như là muộn hơn các tháp ở Tháp Ngà (Dương Long) và có lẽ thuộc về thế kỷ XIII” (11). Thế nhưng, hơn hai mươi năm sau, bằng phân tích và nghiên cứu các chi tiết và họa tiết trang trí kiến trúc, J. Boisselier, học trò của P. Stern, không chỉ xác định cụ thể khung thời gian của phong cách nghệ thuật điêu khắc Tháp Mẫm: từ cuối nửa đầu thế kỷ XII đến hết phần tư đầu thế kỷ XIII, mà còn cho rằng Cánh Tiên và Tháp Vàng phải có niên đại sớm hơn Dương Long và Hưng Thạnh và muộn hơn Tháp Bạc (12). Như vậy, tháp Cánh Tiên ở trung tâm thành Chà Bàn có thể được xây dựng vào nửa đầu của thế kỷ XII.

Nhìn vào hình dáng và cấu trúc, thì tháp Cánh Tiên, về cơ bản giống với hai ngôi tháp tiêu biểu khác của phong cách Bình Định là Tháp Vàng và Thủ Thiện. Như các ngôi tháp kia, tháp Cánh Tiên là một ngôi tháp vuông gồm phần thân và ba tầng phía trên. Và, như các tháp điển hình khác của phong cách Bình Định, tòa tháp gạch Cánh Tiên mọc lên trên đỉnh quả đồi cao một cách mạnh mẽ và hoành tráng. Các thành phần và chi tiết kiến trúc của Cánh Tiên đều như căng ra và nổi bật lên để tạo ra ấn tượng từ xa: các cột ốp, những khung dọc trên mặt tường nổi lên thành những mảng lớn khoẻ khoắn; các vòm của các cửa

giả và cửa ra vào (đã mất) vút cao và vươn lên như hình những mũi giáo khổng lồ; các tháp nhỏ trang trí các góc tầng trên cuộn lại thành những khối chắc nịch; những phiến đá hình hoa lá trang trí các góc tường phía trên của thân tháp và của các tầng tháp nhô mạnh ra như những “cánh tiên”... Rồi thì màu gạch đỏ tươi rực rỡ cũng góp phần đáng kể làm cho ngôi tháp khá lớn này (tòa tháp cao gần 20m) bừng sáng lên giữa trời như một ngọn lửa khổng lồ. Bên cạnh những yếu tố và chi tiết kiến trúc mang tính phong cách chung, tháp Cánh Tiên, do đặc thù là kiến trúc trung tâm của một đô thành, còn có những biểu hiện khác mà ở các khu đền tháp khác cùng thời không có. Như H. Parmentier đã nhận thấy từ đầu thế kỷ XX, ở khu vực tháp Cánh Tiên, chỉ có một kiến trúc duy nhất, và kiến trúc duy nhất đó chính là tháp Cánh Tiên. Chúng tôi đã nhiều lần đến tháp Cánh Tiên và, cho đến nay, cũng chưa phát hiện thấy những dấu tích của những kiến trúc phụ khác như cổng, nhà cột... Điều này cho thấy, tháp Cánh Tiên là bộ phận hữu cơ của cả đô thành Chà Bàn. Không phải ngẫu nhiên mà tòa tháp nằm ngay trung tâm của toà thành và của Đông của đô thành mở và chạy thẳng tới cửa chính của tháp Cánh Tiên. Chắc chắn là tòa tháp Cánh Tiên này đã phải có một vị trí quan trọng và linh thiêng trong bố cục cũng như trong ý nghĩa biểu tượng của đô thành Chà Bàn xưa.

Trong khu thành Chà Bàn hiện nay, còn giữ lại được một số tác phẩm điêu khắc đá cổ của thời Chăm-pa, trong đó, đáng lưu ý nhất là hai tượng voi và một số tượng sư tử. Có thể nhận thấy hai con voi đá của thành Chà Bàn là hai tượng voi lớn nhất hiện được biết của nền nghệ thuật cổ Chăm-pa. Hai pho tượng voi thật lớn (con đực cao gần

2m và con cái cao 1,70m). Theo nghiên cứu của J. Boisselier, hai con voi khổng lồ này của thành Chà Bàn là những tác phẩm thuộc phong cách Tháp Mắm và chịu nhiều ảnh hưởng của nghệ thuật Khơme nửa sau thế kỷ XII. J. Boisselier cũng đã phân tích về mặt phong cách đối với những tượng sư tử đứng ở cửa ra vào lăng Võ Tánh. Theo ông, ở các con sư tử này, thấy rất rõ những dấu ấn của những con sư tử của tháp Dương Long (ngôi tháp có niên đại nửa đầu thế kỷ XIII) và của nghệ thuật Khơme. Trên cơ sở những nghiên cứu mang tính phong cách, J. Boisselier cho rằng, những con sư tử Chăm-pa ở thành Chà Bàn là những tác phẩm muộn của phong cách Tháp Mắm (nửa cuối thế kỷ XIII) (13).

Từ đầu những năm 80 thế kỷ XX đến nay, chúng tôi đã có nhiều dịp vào khảo cứu thành Chà Bàn và những di tích cổ Chăm-pa xung quanh khu vực toà thành này và cũng đã viết ít nhiều về chúng (14). Trong những công trình đã xuất bản trên, chúng tôi đã nghiên cứu kỹ hai con voi khổng lồ cùng các con sư tử đá trong thành Chà Bàn. Chúng tôi cho rằng hai con voi có niên đại và phong cách tương đương như cụm tháp Dương Long (nửa sau thế kỷ XII) và vì vậy, chúng không phải được đưa từ vùng Quảng Nam vào mà được làm tại chỗ (tức vùng Bình Định hiện nay). Từ sau những năm 80, đặc biệt là từ thập niên 90 của thế kỷ XX, tại khu vực bên trong thành Chà Bàn, đã có một vài phát hiện khảo cổ học thật lý thú: phát hiện ra những con thú bằng đá ở gần khu tháp Cánh Tiên và phát hiện ra những dấu tích kiến trúc thời Tây Sơn trong khuôn viên lăng Võ Tánh. Năm 1992, tại thôn Bả Canh gần tháp Cánh Tiên, trong khi làm thủy lợi, nhân dân địa phương đã phát hiện ra ba pho tượng đá to: hai tượng sư tử (mỗi con cao 1,05m), một

tượng con vật đầu voi mình sư tử (Gajasimha) cao 1,70m. Điều lý thú là, cả hai con sư tử đều được tạc rất giống nhau: đứng ngẩng cao đầu, hơi đẩy mõng về phía sau để uốn ngực thẳng về phía trước; bộ lông bờm phía sau đầu, trên vai và ngực được thể hiện như một tấm choàng phẳng lý; trên cổ đeo một vòng lục lạc khá lớn gồm hai chuỗi lục lạc (chuỗi bên trong là những quả lục lạc tròn hình cánh sen và chuỗi bên ngoài là những quả lục lạc hình gần giống quả chuông); miệng há to để lộ rõ những chiếc răng dữ tợn của hàm trên; mép trên và hai lỗ mũi được nhấn bằng hai đường gờ nổi song song viền quanh; cặp mắt tròn mở to không trông; đôi tai vĩnh được tạc cách điệu gần giống chiếc lá tròn nhọn đầu với hai đường mép ngoài uốn cong xoắn vào giữa lỗ tai; trán và các cổ chân đeo vòng trang trí tạo bởi những viên ngọc hình tròn... Theo nghiên cứu của chúng tôi, ở hai tượng sư tử đá này, hầu như chưa xuất hiện những đặc điểm nghệ thuật tạc tượng sư tử của phong cách Tháp Mắm: các chi tiết và các họa tiết trang trí trên mình sư tử nhiều và được cách điệu cao khiến con vật không còn giống thật mà biến thành một hình tượng mang tính trang trí. Có thể thấy ở các con sư tử ở thành Chà Bàn mang nhiều đặc trưng nghệ thuật của các phong cách Trà Kiệu (thế kỷ X) và Chánh Lộ (thế kỷ XI): tính tự nhiên và hiện thực của con vật; các chi tiết thể hiện mõm, mũi, tai, mắt, bờm, bộ lục lạc và các vòng ngọc đeo trên trán và ở các cổ chân. Con Gajasimha cũng được thể hiện gần giống như hai con sư tử (trừ khuôn mặt có vôi và ngà như của con voi). Thế nhưng, phía trên các bắp đùi ở cả bốn chân của con vật đã được trang trí bằng những chiếc lá dài nhọn đầu tung bay như những ngọn lửa - kiểu trang trí sẽ trở thành phổ biến và được cách điệu cao trên mình các con sư tử của phong cách Tháp

Mắm. Do vậy, theo sự phân tích của chúng tôi, những con thú bằng đá phát hiện năm 1992 trong thành Chà Bàn (năm 1999 được đưa về trưng bày tại Bảo tàng tổng hợp tỉnh Bình Định) là những tác phẩm điêu khắc thuộc thời kỳ khởi đầu của phong cách Tháp Mắm và vì thế, chúng có thể có niên đại cuối thế kỷ XI, đầu thế kỷ XII.

Như vậy, những di tích và di vật hiện còn và được biết cho thấy thành Chà Bàn có thể đã được xây dựng vào cuối thế kỷ XI đầu thế kỷ XII. Như đã nêu ra trong bài viết *"Thành Chà - thành Đồ Bàn ban đầu"* (chú thích số 1), chúng tôi cho rằng, thành Chà Bàn có thể đã được vua Harivarman IV (trị vì: 1074-1081) xây dựng. Các tài liệu bia ký cổ Chăm-pa cho biết, Harivarman IV vốn là một hoàng thân, tên là Thăng, có nguồn gốc thuộc cả tộc Dừa phía Bắc theo dòng cha và cả tộc Cau phía Nam theo dòng mẹ. Sau khi lên ngôi, vị vua mới đã "đánh tan quân Cămbôt ở Sômesvara... Và ngài đã phục hồi lại các công trình và đô thị Chăm-pa... Và, đô thị Chăm-pa và tất cả những công trình trở nên giàu có, và, như lẽ thường, được tô điểm cho mới..." (lời từ bia ký khắc năm 1081 của Harivarman IV tại kiến trúc D3 Mỹ Sơn). Dưới thời trị vì của Harivarman IV, "nước Chăm-pa trở nên phồn thịnh như xưa" (lời bia ký) (15) sau cả một thời kỳ chiến tranh, loạn lạc và bất ổn từ vương triều Vijaya đầu tiên (989-1044) cho đến khi hoàng thân Thăng lên ngôi vua năm 1074. Và, theo suy nghĩ của chúng tôi, thành Chà Bàn có thể đã được xây dựng chủ yếu vào thời trị vì của vị vua lừng danh Harivarman IV.

Như đã mô tả ở trên, có thể thấy, dù đã bị hoang phế và dù đã được tu sửa ít nhiều về sau, nhưng, nếu so với những tòa thành

cổ Chăm-pa hiện còn được biết, thì thành Chà Bàn còn nguyên vẹn nhất và còn lưu lại nhiều hiện vật và dấu tích kiến trúc nhất. Do vậy, qua thành Chà Bàn, có thể ít nhiều hiểu được mô hình và chức năng của một trong những kinh đô cổ của vương quốc Chăm-pa xưa. Ngay từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX, trong các công trình đã công bố (chú thích số 1), chúng tôi bước đầu nhận thấy thành Chà Bàn với ngôi tháp Cánh Tiên ở trung tâm gần giống với mô hình Đô thành Ăngco Thom của Campuchia. Giờ đây, sau nhiều lần đến nghiên cứu, chúng tôi càng tin rằng, Chà Bàn cũng như Ăngco Thom là những đô thành được làm theo mô hình các đô thành cổ của Ấn Độ. Mà, các đô thành cổ làm theo mô hình của Ấn Độ ở Đông Nam Á, mà tiêu biểu là Ăngco Thom (được xây dựng trong những năm 1181- 1219), như nhận xét của nhà nghiên cứu G. Coedes, "khác các đô thị của phương Tây của chúng ta, nghĩa là nó không phải chỉ là một số nhà ở, chợ búa và toà thị chính. Mà nó là sự mô phỏng, thu nhỏ cái thế giới hoang đường theo vũ trụ luận của Hindu giáo, nghĩa là một mô hình nhỏ bé hay một Tiểu vũ trụ của Đại vũ trụ" (16). Theo mô hình của vũ trụ luận Hindu giáo, tại giữa Đô thành Ăngco Thom là ngôi đền lớn Bayon - thần sơn Mêru, nơi ngự của các thần. Bao quanh đền Bayon là một khu đất rộng, mà ở đó có dinh thự của vua. Khu đất này được bao quanh bằng tường cao, hào sâu, mà theo quan niệm của thần thoại Hindu giáo, là những hình ảnh biểu tượng cho núi và đại dương bao quanh và ngăn cách thế giới linh thiêng của các thần với các thế giới khác. Không phải ngẫu nhiên mà Ăngco Thom được gọi là "Thành phố của các Thần".

Qua những dấu tích còn lại như đã được mô tả, Đô thành Chà Bàn cũng được làm

theo mô hình một đô thành linh thiêng của các thần với thần sơn Mêru là ngôi tháp Cánh tiên ngự trên quả đồi cao ở chính giữa thành, với khu dinh thự của vua chúa nằm về phía Tây. Cũng như ở Ăngco Thom, bốn bức tường thành và những dòng sông và hào nước bao quanh thành Chà Bàn chính là hình ảnh của những dãy núi và đại dương linh thiêng của đại vũ trụ. Cũng qua những di tích, dấu tích và hiện vật còn lại, có thể thấy Đô thành Chà Bàn là một đô thị thiêng mang ý nghĩa như là một trung tâm tôn giáo, chính trị và văn hoá hơn là một thành thị. Không phải ngẫu nhiên mà trong khu vực thành Chà Bàn, những di tích, dấu tích và hiện vật còn lại chủ yếu là của các công trình tôn giáo và của khu cung điện. Trong thành Chà Bàn, không có những dấu tích của các khu thương mại, buôn bán - một trong những nét đặc trưng quan trọng của kết cấu đô thị khá phổ biến trên thế giới. Với những gì

còn lại và được biết, thành Chà Bàn của Vương quốc cổ Chăm-pa có thể được đưa vào danh sách những “đô thành thiêng” tiêu biểu - những đô thành chủ yếu đóng vai trò như một trung tâm tôn giáo, chính trị và văn hoá của quốc gia - ở khu vực Đông Nam Á thời cổ.

Như đã mô tả và phân tích, với tất cả những đặc thù của mình, thành Chà Bàn ở Bình Định là một trong những di tích đô thành điển hình được xây dựng theo mô hình thần thoại Hindu giáo hiếm hoi còn lại khá nguyên vẹn không chỉ ở Việt Nam mà còn ở cả khu vực Đông Nam Á. Bởi vậy, tòa thành đặc biệt này chắc chắn sẽ cung cấp nhiều cứ liệu quý cho các nhà nghiên cứu về lịch sử đô thị của Chăm-pa nói riêng và của cả khu vực Đông Nam Á nói chung. Thành Chà Bàn quả là một trong những di tích đô thị cổ có nhiều ý nghĩa lịch sử và văn hóa của Chăm-pa xứng đáng được gìn giữ và bảo vệ.

CHÚ THÍCH

(1). Ngô Văn Doanh, *Thành Chà - thành Đô Bàn ban đầu*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3 (359), 2006, tr. 41- 47.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 236.

(3). Dẫn theo: *Bình Định: danh thắng và di tích* (Vũ Minh Giang chủ biên), Bình Định, 2000, tr. 128.

(4). *Đại Nam nhất thống chí*, tập III, Nxb. Thuận Hoá, 1997, tr. 37-38.

(5). H. Parmentier, *Inventaire Descriptif des Monuments Chams de L'Annam*, Paris, 1909; Chapter 7, III, Bình Định, Chà Bàn.

(6), (7). Theo: *Bình Định: Danh thắng và di tích*, sđd. tr. 128- 130.

(8), (9). *Đại Việt sử ký toàn thư*, (bản dịch tiếng Việt), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tập I, tr. 168-169, 172.

(10). G. Maspéro, *Le Royaume de Champa*, Paris, 1928, tr. 127.

(11). P. Stern, *L'art du Champa (ancien Annam) et son évolution*, Toulouse, 1942, tr. 72.

(12), (13). J. Boisselier, *La Statuaire du Champa*, EFEO, Paris, 1963, tr. 313, 288-289.

(14). Ngô Văn Doanh, *Tháp cổ Chăm-pa, sự thật và huyền thoại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1994 (tái bản lần thứ nhất năm 1998), tr. 77-85; Ngô Văn Doanh, *Chăm-pa Ancient Towers: Reality & Legend*, Thế giới Publishers, Hanoi-2002, tr. 87-94, (tái bản lần thứ nhất có bổ sung năm 2006, tr. 118-127).

(15). R. C. Majumdar, *The Inscriptions of Champa*, Delhi. Gian Publishing House, 1985, tr. 159-161.

(16). G. Coedes, *Angkor, An Introduction*, (trans. Gardiner, Emily Floyd), London, 1963, tr. 40.